TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DÂN LẬP HẢI PHÒNG
THƯ VIỆN
317.7
PT1105Đ

QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ
TS. PHAN ĐỨC DŨNG

BÀI TẬP VÀ BÀI GIẢI NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TOÀN DIỆN THEO:

- QUYẾT ĐỊNH 15/2006/QĐ-BTC,
- THÔNG TƯ 20/2006/TT-BTC,
- THÔNG TƯ 21/2006/TT-BTC

(BAN HÀNH NGÀY 20/03/2006 CỦA BỘ TÀI CHÁNH)

* PHONG PHÚ ĐỦ CÁC DẠNG BÀI TẬP
* LỜI GIẢI CHI TIẾT RÕ RÀNG

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
NĂM 2006

TS. PHAN ĐỨC DŨNG
BÀI TẬP VÀ BÀI GIẢI NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

THƯ VIỆN ĐHDL HP
DVV2466

THƯ VIỆN
ĐH.DÂN LẬP HP
KÝ HIỆU: 2466
ĐH DC 2

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ
TS. PHAN ĐỨC DŨNG

BÀI TẬP VÀ BÀI GIẢI NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

(ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TOÀN DIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH 15/2006/QĐ-BTC, THÔNG TƯ 20/2006/TT-BTC, THÔNG TƯ 21/2006/TT-BTC
(Ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

(DÙNG CHO SINH VIÊN TRUNG HỌC, CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC CÁC TRƯỜNG KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI, NGOẠI THƯƠNG, NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ KINH DOANH,...)

THƯ VIỆN ĐH.DÂN LẬP HP
PHÒNG ĐỌC
2007 ĐVV 2466

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
Năm 2007

LỜI NÓI ĐẦU

Trong suốt thời kỳ đổi mới nền kinh tế, Việt Nam luôn luôn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế sao cho phù hợp với nền kinh tế thị trường, trong đó kế toán là một công cụ quan trọng để quản lý vốn, tài sản và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán phù hợp với hệ thống thuế để thích nghi với yêu cầu phát triển, thích ứng với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay ngày càng trở thành nhu cầu cấp thiết nhằm phát huy hiệu quả quản lý các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh của Việt Nam. Hoạt động kinh doanh ngày nay không còn đóng khung trong từng quốc gia mà đã phát triển theo hướng hội nhập vào nền kinh tế thế giới đó là xu hướng phát triển kinh tế tất yếu, hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thuế cũng không còn khoanh vùng trong từng quốc gia mà còn phục vụ cho những người sử dụng ở các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới.

Những kiến thức cơ bản về kế toán vẫn chưa thể đáp ứng được yêu cầu của độc giả, tác giả cố gắng chuyển tải những kiến thức cơ bản thành những kỹ năng thực tập công việc kế toán cho độc giả đang theo học môn nguyên lý kế toán. Vấn đề quan trọng đối với độc giả không chỉ dừng lại ở sự hiểu biết về nguyên lý kế toán mà phải biết vận dụng kiến thức đó để xử lý những vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán. Từ thực tiễn đó, đã thôi thúc tác giả mạnh dạn viết cuốn sách với tựa đề : ***"Bài tập và Bài giải Nguyên lý Kế toán"*** để góp một chút vào tủ sách học tập và tham khảo của độc giả.

Nội dung trình bày trong cuốn sách này được thực hiện 8 chương, mỗi chương được bố cục theo 3 nội dung chính:

- Phần nội dung cần nhớ (phần lý thuyết cơ bản nhất).
- Phần bài tập ứng dụng (phần bài tập có lời giải với mục đích giúp cho độc giả hiểu rõ hơn những nội dung kiến thức cơ bản).
- Phần bài tập tự giải (những bài tập tương tự như phần bài tập ứng dụng nhằm giúp cho độc giả tự rèn luyện kỹ năng làm bài tập).

Với lần tái bản này, mặc dầu đã có rất nhiều cố gắng, song cuốn sách khó có thể tránh khỏi những khiếm khuyết, thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong muốn tiếp nhận những ý kiến đóng góp chân tình của độc giả, thầy cô trong và ngoài trường nhằm xây dựng cuốn sách ngày một tốt hơn.

Chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	**3**
Mục lục	**5**
Chương 1 : **BẢN CHẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN**	**13**
1.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ	**13**
1.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG	**15**
1.2.1 Bài tập số 01	15
1.2.2 Bài tập số 02	17
1.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI	**20**
1.3.1 Bài tập số 01	20
1.3.2 Bài tập số 02	22
1.3.3 Bài tập số 03	25
1.3.4 Bài tập số 04	27
1.3.5 Bài tập số 05	29
1.3.6 Bài tập số 06	30
1.3.7 Bài tập số 07	31
1.3.8 Bài tập số 08	33
1.3.9 Bài tập số 09	34
1.3.10 Bài tập số 10	36
Chương 2 : **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**	**38**
2.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ	**38**

2.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG **40**
2.2.1 Bài tập số 01 40
2.2.2 Bài tập số 02 43
2.2.3 Bài tập số 03 44
2.2.4 Bài tập số 04 47
2.2.5 Bài tập số 05 49

2.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI **53**
2.3.1 Bài tập số 01 53
2.3.2 Bài tập số 02 55
2.3.3 Bài tập số 03 55
2.3.4 Bài tập số 04 57
2.3.5 Bài tập số 05 57
2.3.6 Bài tập số 06 58
2.3.7 Bài tập số 07 59
2.3.8 Bài tập số 08 59
2.3.9 Bài tập số 09 61
2.3.10 Bài tập số 10 63
2.3.11 Bài tập số 11 65
2.3.12 Bài tập số 12 66
2.3.13 Bài tập số 13 67
2.3.14 Bài tập số 14 68
2.3.15 Bài tập số 15 71

Chương 3 : **TÀI KHOẢN VÀ GHI SỔ KÉP** **72**

3.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ **72**

3.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG **74**
3.2.1 Bài tập số 01 74
3.2.2 Bài tập số 02 78
3.2.3 Bài tập số 03 81
3.2.4 Bài tập số 04 84
3.2.5 Bài tập số 05 89

3.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI 97
3.3.1 Bài tập số 01 97
3.3.2 Bài tập số 02 100
3.3.3 Bài tập số 03 102
3.3.4 Bài tập số 04 103
3.3.5 Bài tập số 05 104
3.3.6 Bài tập số 06 105
3.3.7 Bài tập số 07 107
3.3.8 Bài tập số 08 108
3.3.9 Bài tập số 09 110
3.3.10 Bài tập số 10 110
3.3.11 Bài tập số 11 112
3.3.12 Bài tập số 12 113
3.3.13 Bài tập số 13 115
3.3.14 Bài tập số 14 116
3.3.15 Bài tập số 15 117
3.3.16 Bài tập số 16 118
3.3.17 Bài tập số 17 121
3.3.18 Bài tập số 18 125
3.3.19 Bài tập số 19 127
3.3.20 Bài tập số 20 129
3.3.21 Bài tập số 21 130
3.3.22 Bài tập số 22 132
3.3.23 Bài tập số 23 134
3.3.24 Bài tập số 24 136
3.3.25 Bài tập số 25 138

Chương 4 : **TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN** 140

4.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ 140

4.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG 141
4.2.1 Bài tập số 01 141

4.2.2 Bài tập số 02 146
4.2.3 Bài tập số 03 148
4.2.4 Bài tập số 04 151
4.2.5 Bài tập số 05 154
4.2.6 Bài tập số 06 155
4.2.7 Bài tập số 07 155
4.2.8 Bài tập số 08 157
4.2.9 Bài tập số 09 158
4.2.10 Bài tập số 10 159
4.2.11 Bài tập số 11 160
4.2.12 Bài tập số 12 161

4.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI 164
4.3.1 Bài tập số 01 164
4.3.2 Bài tập số 02 165
4.3.3 Bài tập số 02 166
4.3.4 Bài tập số 04 168
4.3.5 Bài tập số 05 169
4.3.6 Bài tập số 06 170
4.3.7 Bài tập số 07 171
4.3.8 Bài tập số 08 173
4.3.9 Bài tập số 09 174
4.3.10 Bài tập số 10 175
4.3.11 Bài tập số 11 177
4.3.12 Bài tập số 12 178
4.3.13 Bài tập số 13 180
4.3.14 Bài tập số 14 181
4.3.15 Bài tập số 15 183
4.3.16 Bài tập số 16 185
4.3.17 Bài tập số 17 186
4.3.18 Bài tập số 18 188
4.3.19 Bài tập số 19 189
4.3.20 Bài tập số 20 190

Chương 5 : KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM 192

5.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ **192**

5.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG **193**

5.2.1 Bài tập số 01 193

5.2.2 Bài tập số 02 197

5.2.3 Bài tập số 03 202

5.2.4 Bài tập số 04 207

5.2.5 Bài tập số 05 213

5.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI **219**

5.3.1 Bài tập số 01 219

5.3.2 Bài tập số 02 220

5.3.3 Bài tập số 03 222

5.3.4 Bài tập số 04 223

5.3.5 Bài tập số 05 224

5.3.6 Bài tập số 06 226

5.3.7 Bài tập số 07 227

5.3.8 Bài tập số 08 229

5.3.9 Bài tập số 09 230

5.3.10 Bài tập số 10 231

5.3.11 Bài tập số 11 233

5.3.12 Bài tập số 12 236

Chương 6 : KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 238

6.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ **238**

6.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG **240**

6.2.1 Bài tập số 01 240

6.2.2 Bài tập số 02 244

6.2.3 Bài tập số 03 248
6.2.4 Bài tập số 04 254
6.2.5 Bài tập số 05 260
6.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI 264
6.3.1 Bài tập số 01 264
6.3.2 Bài tập số 02 265
6.3.3 Bài tập số 03 267
6.3.4 Bài tập số 04 268
6.3.5 Bài tập số 05 270
6.3.6 Bài tập số 06 272
6.3.7 Bài tập số 07 274
6.3.8 Bài tập số 08 277
6.3.9 Bài tập số 09 278
6.3.10 Bài tập số 10 280
6.3.11 Bài tập số 11 282
6.3.12 Bài tập số 12 283
6.3.13 Bài tập số 13 285
6.3.14 Bài tập số 14 287
6.3.15 Bài tập số 15 289
6.3.16 Bài tập số 16 290
6.3.17 Bài tập số 17 292
6.3.18 Bài tập số 18 294
6.3.19 Bài tập số 19 296
6.3.20 Bài tập số 20 298

***Chương 7 :* CHỨNG TỪ VÀ KIỂM KÊ 300**

7.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ 300

7.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG 300
7.2.1 Bài tập số 01 300
7.2.2 Bài tập số 02 303

7.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI **307**
7.3.1 Bài tập số 01 307
7.3.2 Bài tập số 02 308
7.3.3 Bài tập số 03 309
7.3.4 Bài tập số 04 309
7.3.5 Bài tập số 05 310
7.3.6 Bài tập số 06 311
7.3.7 Bài tập số 07 312
7.3.8 Bài tập số 08 313

Chương 8 : **SỔ KẾ TOÁN VÀ KỸ THUẬT GHI SỔ** **314**

8.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ **314**

8.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG **316**
8.2.1 Bài tập số 01 316
8.2.2 Bài tập số 02 318
8.2.3 Bài tập số 03 320

8.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI **342**
8.3.1 Bài tập số 01 342
8.3.2 Bài tập số 02 344
8.3.3 Bài tập số 03 346

BÀI TẬP

BÀI TẬP ỨNG DỤNG **349**
Bài tập số 01 349
Bài tập số 02 352
Bài tập số 03 370
Bài tập số 04 373
Bài tập số 05 378
Bài tập số 06 384
Bài tập số 07 391

Bài tập số 08 395
Bài tập số 09 400
Bài tập số 10 404

BÀI TẬP TỰ GIẢI 409
Bài tập số 01 409
Bài tập số 02 411
Bài tập số 03 413
Bài tập số 04 416
Bài tập số 05 418
Bài tập số 06 421
Bài tập số 07 422
Bài tập số 08 424
Bài tập số 09 427
Bài tập số 10 428
Bài tập số 11 430
Bài tập số 12 433
Bài tập số 13 435
Bài tập số 14 437
Bài tập số 15 438

PHỤ LỤC 441
- Phụ lục 1 : HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 441
- Phụ lục 2 : KHUNG THỜI GIAN CỦA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH 454
- Phụ lục 3 : MỘT SỐ BÀI NGHIÊN CỨU ĐĂNG TẠP CHÍ KẾ TOÁN 458

TÀI LIỆU THAM KHẢO 487

CHƯƠNG 1

BẢN CHẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

1.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ

1. Kế toán có nhiều khái niệm khác nhau, mỗi khái niệm đề cập đến những khía cạnh khác nhau của kế toán như "kế toán là ngôn ngữ trong kinh doanh" vì kế toán có chức năng cung cấp thông tin về tình hình tài chính của đơn vị cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau. Hay "kế toán là công cụ để quản lý kinh tế" vì những đối tượng khác nhau sẽ sử dụng các thông tin khác nhau phù hợp với yêu cầu quản lý của mình. Theo Điều 4, Luật Kế toán Việt Nam được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/6/2003 và có hiệu lực vào ngày 1/1/2004 : "Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động", chủ yếu dưới hình thức giá trị.

2. Phân biệt tài sản và nguồn vốn. Tài sản là hiện hiện hữu (có hình thái vật chất hay không có hình thái vật chất) và nguồn vốn là nguồn hình thành nên tài sản. Bạn đọc phải hiểu rõ và phân biệt được hai khái niệm này, điều này trong thực tiễn có thể không biết nhưng khi bạn bắt đầu tìm hiểu về kế bạn phải hiểu được tài sản và nguồn vốn. Khi nào bạn có một tài sản nào đó bạn cũng phải tự hỏi rằng tài sản này được hình thành

từ đâu ? Từ nguồn vốn của bạn có được hay từ vay mượn để bạn có thể thủ đắc được tài sản đó ?

3. Trong chương này bạn nên chú ý chín khái niệm được nhấn mạnh như sau :

a) Khái niệm cân đối :

Tài sản có = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu.

b) Khái niệm thước đo tiền tệ : Kế toán chỉ báo cáo những sự kiện mà chúng có thể diễn đạt bằng một số tiền.

c) Khái niệm tổ chức : Các tài khoản kế toán được ghi chép cho các tổ chức như là để phân biệt với những người liên quan với các tổ chức này.

d) Khái niệm hoạt động liên tục : Kế toán giả thiết rằng một tổ chức sẽ tiếp tục hoạt động không hạn định và nó sẽ không được bán đi.

e) Khái niệm giá thành : Kế toán xem xét đến giá thành của tài sản có hơn là đến giá thị trường.

f) Khái niệm thận trọng : Doanh thu được ghi nhận khi chúng có chứng cứ chắc chắn. Chi phí được ghi nhận khi chúng có chứng cứ có thể.

g) Khái niệm thực chất : Bỏ qua những vấn đề không quan trọng và ghi chép tất cả các vấn đề quan trọng.

h) Khái niệm bán hàng : Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa hoặc dịch vụ được giao trả.

i) Khái niệm phù hợp : Các chi phí của một kỳ là giá thành liên hệ với doanh thu hoặc các hoạt động của kỳ.

1.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG

1.2.1 Bài tập số 01

Hãy lựa chọn những sự kiện thuộc đối tượng theo dõi của kế toán trong các sự kiện được cho sau đây :

1. Trong tháng qua, công ty có quá nhiều nhân viên đi làm trễ.
2. Các khoản chi phí phát sinh tại công ty.
3. Quyết định bổ nhiệm một phó phòng kế toán trong công ty.
4. Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa thanh toán tiền người bán.
5. Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình lắp đặt chạy thử TSCĐ thanh toán bằng tiền mặt.
6. Nhận vốn góp liên doanh bằng TSCĐ.
7. Phó Giám đốc xin nghỉ phép vì công việc gia đình.
8. Nhân viên của công ty vừa mua điện thoại di động mới để dùng cho cá nhân.
9. Xuất hàng hóa trong kho bán chưa thu tiền.
10. Giám đốc thương lượng hợp đồng mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trong công ty.
11. Nhân viên công ty không thực hiện đúng quy chế làm việc tại công ty.
12. Cách thức nhân viên sử dụng thu nhập của mình.
13. Nhận được đơn đặt hàng của khách hàng.
14. Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.
15. Các mâu thuẫn thường xảy ra trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên trong công ty.

16. Một nhân viên công ty xin thôi việc.
17. Mua công cụ dụng cụ thanh toán bằng chuyển khoản.
18. Tình hình mua sắm tài sản cố định của các đối tác có mối quan hệ mua bán với đơn vị.
19. Ký quỹ mở L/C để nhập lô nguyên vật liệu.
20. Thanh toán nợ ngắn hạn bằng tiền mặt.
21. Họp trong Ban Giám đốc để thống nhất cách thức phân phối lãi tại đơn vị.
22. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất.
23. Nhân viên A trả nợ cho nhân viên C trong công ty.
24. Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm.
25. Nhân viên A vay nợ của ngân hàng.
26. Xuất kho thành phẩm đi tiêu thụ trực tiếp.
27. Góp vốn liên doanh bằng chuyển khoản.
28. Nộp ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt.
29. Nhân viên A xin nghỉ phép đi du lịch nước ngoài.
30. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.
31. Nhân viên A dự kiến đi công tác 3 nước Châu Âu vào tháng tới.
32. Quan hệ công việc giữa nhân viên và các cấp quản trị trong công ty còn thấp.

Lời giải đề nghị :

Những sự kiện thuộc đối tượng theo dõi của kế toán gồm :

1. Các khoản chi phí phát sinh tại công ty.
2. Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa thanh toán tiền người bán.
3. Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình lắp đặt chạy thử TSCĐ thanh toán bằng tiền mặt.
4. Nhận vốn góp liên doanh bằng TSCĐ.
5. Xuất hàng hóa trong kho bán chưa thu tiền.
6. Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.
7. Mua công cụ dụng cụ thanh toán bằng chuyển khoản.
8. Ký quỹ mở L/C để nhập lô nguyên vật liệu.
9. Thanh toán nợ ngắn hạn bằng tiền mặt.
10. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất.
11. Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm.
12. Xuất kho thành phẩm đi tiêu thụ trực tiếp.
13. Góp vốn liên doanh bằng chuyển khoản.
14. Nộp ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt.
15. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.

THƯ VIỆN
ĐH ĐẦN LẬP HP
SỐ:
ĐVV 2466

1.2.2 Bài tập số 02

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2007 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1. Chi phí SXKD dở dang	14.000.000
2. Người mua nợ	40.000.000
3. Khoản phải thu khác	15.000.000

4. Khoản phải trả khác	8.000.000
5. Quỹ đầu tư phát triển	25.000.000
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	200.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.000.000
8. Vay ngắn hạn ngân hàng	200.000.000
9. Trả trước cho người bán	5.000.000
10. Người mua trả tiền trước	7.000.000
11. Thế chấp, ký quỹ dài hạn	10.000.000
12. Hàng đang đi đường	13.000.000
13. Tạm ứng	12.000.000
14. Phải trả công nhân viên	30.000.000
15. Chi phí trả trước	5.000.000
16. Thành phẩm	13.000.000
17. Tiền mặt	25.000.000
18. Máy móc thiết bị	540.000.000
19. Quyền sử dụng đất	420.000.000
20. Hao mòn tài sản cố định	(10.000.000)
21. Lãi chưa phân phối	10.000.000
22. Nguồn vốn kinh doanh	Y
23. Nguyên vật liệu	58.000.000
24. Công cụ – dụng cụ	4.000.000
25. Tiền gửi ngân hàng	15.000.000
26. Nợ người bán	160.000.000

27. Nợ ngân sách 5.000.000

28. Tài sản thiếu chờ xử lý 1.000.000

29. Tài sản thừa chờ xử lý 2.000.000

30. Nhận thế chấp, ký quỹ dài hạn 3.000.000

Tìm Y và lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp vào ngày 31/12/2007.

Lời giải đề nghị : (đơn vị tính : 1.000 đồng) :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn		**Nợ phải trả**	
Tiền mặt	25.000	Vay ngắn hạn	200.000
Tiền gởi ngân hàng	15.000	Phải trả cho người bán	160.000
Phải thu khách hàng	40.000	Phải nộp ngân sách	5.000
Tạm ứng	12.000	Phải trả công nhân viên	30.000
Chi phí trả trước	5.000	Tài sản thừa chờ xử lý	2.000
Trả trước cho người bán	5.000	Khoản phải trả khác	8.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.000	Người mua trả tiền trước	7.000
Phải thu khác	15.000	Nhận thế chấp ký quỹ dài hạn	3.000
Hàng mua đi trên đường	13.000		
Nguyên vật liệu	58.000		
Công cụ dụng cụ	4.000		
Sản phẩm dở dang	14.000		
Thành phẩm	13.000		
TSCĐ và Đầu tư dài hạn		**Vốn chủ sở hữu**	
Máy móc thiết bị	540.000	Nguồn vốn kinh doanh	Y
Quyền sử dụng đất	420.000	Quỹ đầu tư phát triển	25.000

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Hao mòn TSCĐ	(10.000)	Lãi chưa phân phối	10.000
Thế chấp, ký quỹ dài hạn	10.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.000
		Nguồn vốn đầu tư XDCB	200.000
Tổng Tài sản	**1.180.000**	**Tổng nguồn vốn**	**Y +660.000**

Giải ta được : Y = 520.000.000 đồng.

1.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI

1.3.1 Bài tập số 01

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2007 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1.	Khoản phải trả khác	40.000.000
2.	Nợ ngân sách	50.000.000
3.	Tài sản thiếu chờ xử lý	10.000.000
4.	Tài sản thừa chờ xử lý	20.000.000
5.	Lãi chưa phân phối	100.000.000
6.	Nguồn vốn kinh doanh	Y
7.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	70.000.000
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.000.000
9.	Vay ngắn hạn ngân hàng	20.000.000
10.	Trả trước cho người bán	50.000.000
11.	Người mua trả tiền trước	70.000.000
12.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.000.000
13.	Chi phí trả trước	50.000.000

14. Nhận thế chấp, ký quỹ dài hạn	30.000.000
15. Thế chấp, ký quỹ dài hạn	50.000.000
16. Hàng đang đi đường	30.000.000
17. Tạm ứng	20.000.000
18. Phải trả công nhân viên	30.000.000
19. Máy móc thiết bị	500.000.000
20. Hao mòn tài sản cố định	100.000.000
21. Nguyên vật liệu	50.000.000
22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.000.000
23. Công cụ – dụng cụ	10.000.000
24. Chi phí SXKD dở dang	20.000.000
25. Thành phẩm	30.000.000
26. Tiền mặt	50.000.000
27. Tiền gửi ngân hàng	140.000.000
28. Nợ người bán	60.000.000
29. Người mua nợ	40.000.000
30. Khoản phải thu khác	50.000.000

Yêu cầu :

1. Phân loại tài sản và nguồn vốn tại doanh nghiệp, tính tổng số mỗi loại và tìm Y.
2. Liệt kê tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn tại doanh nghiệp, tính tổng số mỗi loại.
3. Liệt kê nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, tính tổng số mỗi loại.

4. Liệt kê tài sản thuộc nhóm hàng tồn kho tại đơn vị, tính tổng số.
5. Liệt kê và tính giá trị tài sản cố định vô hình.
6. Liệt kê và tính giá trị vốn bằng tiền và các khoản ứng trước.
7. Liệt kê và tính nợ phải thu tại doanh nghiệp.
8. Lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp vào ngày 31/12/2007.

1.3.2 Bài tập số 02

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 30/9/2008 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	10.000.000
2.	Công cụ – dụng cụ	1.000.000
3.	Tiền gửi ngân hàng	14.000.000
4.	Nợ người bán	6.000.000
5.	Chi phí SXKD dở dang	2.000.000
6.	Thành phẩm	3.000.000
7.	Tiền mặt	5.000.000
8.	Tài sản cố định hữu hình	40.000.000
9.	Tài sản cố định vô hình	10.000.000
10.	Hao mòn tài sản cố định	10.000.000
11.	Lãi chưa phân phối	10.000.000
12.	Quỹ dự phòng phải trả	5.000.000
13.	Nguồn vốn kinh doanh	Y
14.	Nguyên vật liệu	5.000.000

15. Nợ ngân sách	5.000.000
16. Tài sản thiếu chờ xử lý	1.000.000
17. Tài sản thừa chờ xử lý	2.000.000
18. Người mua nợ	4.000.000
19. Khoản phải thu khác	5.000.000
20. Khoản phải trả khác	4.000.000
21. Quỹ đầu tư phát triển	2.000.000
22. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	5.000.000
23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.000.000
24. Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000
25. Vay ngắn hạn ngân hàng	2.000.000
26. Trả trước cho người bán	5.000.000
27. Thế chấp, ký quỹ dài hạn	5.000.000
28. Hàng đang đi đường	4.000.000
29. Tạm ứng	2.000.000
30. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.000.000
31. Phải trả công nhân viên	3.000.000
32. Người mua trả tiền trước	7.000.000
33. Chi phí trả trước	5.000.000
34. Nhận thế chấp, ký quỹ dài hạn	3.000.000

Tìm Y và lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp vào ngày 30/09/2008.

Lấy lại số liệu trên và trong tháng 10/2008 có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh :

1. Doanh nghiệp thu các khoản phải thu khác bằng tiền mặt 1.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ ngân sách 5.000.000 đồng.
3. Doanh nghiệp dùng tiền mặt trả khoản phải trả khác 2.000.000 đồng.
4. Doanh nghiệp nhận vốn góp cổ đông bằng một tài sản cố định hữu hình trị giá 15.000.000 đồng.
5. Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu trị giá 3.000.000 đồng còn nợ người bán.
6. Doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 5.000.000 đồng.
7. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua một số công cụ trị giá 1.000.000 đồng.
8. Doanh nghiệp được người mua trả nợ bằng tiền mặt 5.000.000 đồng, bằng tiền gửi ngân hàng 10.000.000 đồng.
9. Tài sản thừa chờ xử lý đã giải quyết tăng nguồn vốn kinh doanh 2.000.000 đồng.
10. Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 5.000.000 đồng.
11. Doanh nghiệp dùng lãi bổ sung nguồn vốn kinh doanh 5.000.000 đồng.
12. Doanh nghiệp chi quỹ khen thưởng phúc lợi bằng tiền gửi ngân hàng 1.000.000 đồng.
13. Tài sản thiếu chờ xử lý đã giải quyết đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ 1.000.000 đồng.
14. Doanh nghiệp chuyển một tài sản cố định hữu hình đi góp vốn liên doanh trị giá 12.000.000 đồng.

15. Doanh nghiệp được người mua trả nợ 3.000.000 đồng, doanh nghiệp trả luôn nợ vay ngắn hạn ngân hàng.

Yêu cầu :

1. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào các tài khoản.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào các tài khoản tương ứng.
3. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

1.3.3 Bài tập số 03

Hãy lựa chọn những sự kiện thuộc đối tượng theo dõi của kế toán trong các sự kiện được cho sau đây :

1. Phó Giám đốc xin nghỉ phép vì công việc gia đình.
2. Nhân viên của công ty vừa mua điện thoại di động mới để dùng cho cá nhân.
3. Xuất hàng hóa trong kho bán chưa thu tiền.
4. Giám đốc thương lượng hợp đồng mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trong công ty.
5. Trong tháng qua, công ty có quá nhiều nhân viên đi làm trễ.
6. Các khoản chi phí phát sinh tại công ty.
7. Quyết định bổ nhiệm một phó phòng kế toán trong công ty.
8. Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa thanh toán tiền người bán.
9. Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình lắp đặt chạy thử TSCĐ thanh toán bằng tiền mặt.
10. Nhận vốn góp liên doanh bằng TSCĐ.

11. Nhân viên công ty không thực hiện đúng quy chế làm việc tại công ty.
12. Cách thức nhân viên sử dụng thu nhập của mình.
13. Tình hình mua sắm tài sản cố định của các đối tác có mối quan hệ mua bán với đơn vị.
14. Ký quỹ mở L/C để nhập lô nguyên vật liệu.
15. Công ty dự định bán 2.000 USD mặt cho ngân hàng.
16. Thanh toán nợ ngắn hạn bằng tiền mặt.
17. Họp trong Ban Giám đốc để thống nhất cách thức phân phối lãi tại đơn vị.
18. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất.
19. Nhân viên A trả nợ cho nhân viên C trong công ty.
20. Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm.
21. Nhân viên A vay nợ của ngân hàng.
22. Xuất kho thành phẩm đi tiêu thụ trực tiếp.
23. Góp vốn liên doanh bằng chuyển khoản.
24. Nộp ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt.
25. Nhân viên A xin nghỉ phép đi du lịch nước ngoài.
26. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.
27. Nhân viên A dự kiến đi công tác 3 nước Châu Âu vào tháng tới.
28. Quan hệ công việc giữa nhân viên và các cấp quản trị trong công ty còn thấp.
29. Nhận được đơn đặt hàng của khách hàng.

30. Khách hàng gởi thông báo cho doanh nghiệp nếu mua 1.000 sản phẩm trong đợt khuyến mãi sẽ được hưởng 2% chiết khấu thương mại.
31. Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.
32. Chuyển khoản 10.000 USD cho nhà cung cấp nguyên vật liệu.
33. Các mâu thuẫn thường xảy ra trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên trong công ty.
34. Một nhân viên công ty xin thôi việc.
35. Doanh nghiệp dự kiến tuyển dụng thêm 10 nhân viên ở phòng bán hàng.
36. Phòng tổ chức hành chính dự kiến họp để nâng lương trước thời hạn của một nhân viên làm việc tích cực.
37. Mua công cụ dụng cụ thanh toán bằng chuyển khoản.
38. Vợ của giám đốc đi du lịch nước ngoài.
39. Một khách hàng ghé thăm công ty và dự định đặt mua một lô hàng.
40. Người nhà của Giám đốc mang về một lô hàng hóa.

1.3.4 Bài tập số 04

Tại một doanh nghiệp sản xuất, vào ngày 31/12/2007 có các tài liệu sau : (Đơn vị tính : đồng).

1.	Vay ngắn hạn	45.000.000
2.	Máy móc thiết bị	480.000.000
3.	Phải trả cho người bán	10.000.000
4.	Tạm ứng	6.000.000
5.	Phải trả công nhân viên	3.000.000

6. Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000
7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	40.000.000
8. Sản phẩm dở dang	54.000.000
9. Nguyên vật liệu chính	62.000.000
10. Phải thu của khách hàng	3.000.000
11. Tiền mặt	12.000.000
12. Nợ dài hạn	196.000.000
13. Nguồn vốn kinh doanh	1.120.000.000
14. Kho tàng	150.000.000
15. Vật liệu phụ	11.000.000
16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.000.000
17. Quỹ dự phòng phải trả	10.000.000
18. Thành phẩm	X
19. Phương tiện vận tải	200.000.000
20. Nhà xưởng	Y
21. Các khoản phải trả khác	3.000.000
22. Các loại công cụ – dụng cụ	21.000.000
23. Lãi chưa phân phối	27.000.000
24. Hàng đang đi trên đường	12.000.000
25. Tiền gửi ngân hàng	40.000.000

Yêu cầu :

Hãy phân biệt tài sản và nguồn vốn. Xác định X, Y biết rằng Y = 6X.

1.3.5 Bài tập số 05

Giả sử đầu năm tổng tài sản của công ty là 800.000.000 đồng và tổng nợ phải trả là 500.000.000 đồng.

1. Nếu trong năm tổng tài sản tăng lên 200.000.000 đồng và tổng nợ phải trả giảm đi 100.000.000 đồng thì vốn chủ sở hữu cuối năm là bao nhiêu ?
2. Nếu vốn chủ sử hữu tăng lên 300.000.000 đồng, nguồn vốn tăng 200.000.000 đồng thì nợ phải trả cuối năm là bao nhiêu ?
3. Nếu nguồn vốn tăng lên 200.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu tăng lên 100.000.000 đồng thì tổng tài sản cuối năm là bao nhiêu ?
4. Nếu tổng tài sản tăng lên 200.000.000 đồng, nợ phải trả giảm đi 100.000.000 đồng thì tổng nguồn vốn cuối năm sẽ là bao nhiêu ?
5. Nếu tổng tài sản không đổi, nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên 100.000.000 đồng thì tổng nguồn vốn cuối năm sẽ là bao nhiêu ?
6. Nếu trong năm tổng tài sản giảm 200.000.000 đồng và vốn chủ sở hữu tăng 100.000.000 đồng thì tổng nợ phải trả cuối năm là bao nhiêu ?
7. Nếu trong năm tổng nguồn vốn giảm 200.000.000đ và vốn chủ sở hữu tăng 100.000.000 đồng thì tổng nợ phải trả cuối năm là bao nhiêu ?
8. Nếu trong năm tổng nợ phải trả tăng 300.000.000 đồng và vốn chủ sở hữu giảm 100.000.000 đồng thì tổng tài sản của công ty cuối năm là bao nhiêu ?
9. Nếu trong năm tổng nguồn vốn tăng 300.000.000 đồng và vốn chủ sở hữu giảm 100.000.000 đồng thì tổng tài sản của công ty cuối năm là bao nhiêu ?

10. Nếu trong năm tổng nguồn vốn giảm 200.000.000 đồng và vốn chủ sở hữu tăng 100.000.000 đồng thì tổng nợ phải trả cuối năm là bao nhiêu ?

1.3.6 Bài tập số 06

Ông Kiến Trung hiện đang có số tiền là 1.200.000.000 đồng dự định thành lập một doanh nghiệp thương mại Thành Hoa với các dữ liệu sau :

1. Giá trị hàng hóa cần dự trữ ban đầu : 400.000.000 đồng từ nhà cung cấp X, ông Kiến Trung phải tiến hành thanh toán 100% ngay khi mua.
2. Ông Kiến Trung mua căn nhà để xây dựng trụ sở văn phòng cho công ty kinh doanh thương mại Thành Hoa, trị giá căn nhà là 1.400.000.000 đồng, ông Kiến Trung thanh toán trước 50% bằng tiền mặt, phần còn lại ngân hàng hỗ trợ vay 50%, thanh toán trong 10 năm, kỳ hạn thanh toán đầu tiên là sau thời điểm mua nhà 3 năm.
3. Ông Kiến Trung mua một dây chuyền công nghệ trị giá 800.000.000 đồng, chưa thanh toán cho nhà cung cấp Y.
4. Mua máy móc, thiết bị văn phòng, dụng cụ làm việc trả ngay bằng tiền mặt 300.000.000 đồng.
5. Ông Kiến Trung mua một chiếc xe tải nhẹ giá mua 600.000.000 đồng, thanh toán 75% bằng tiền mặt cho nhà cung cấp Z.
6. Tài liệu bổ sung : theo dự đoán, công ty ông Kiến Trung sẽ bắt đầu có doanh thu sau 1 tháng hoạt động, các chi phí khác phát sinh tại công ty mỗi tháng là :

- Tiền lương nhân viên : 30.000.000 đồng
- Tiền điện, nước, điên thoại : 10.000.000 đồng
- Chi phí bằng tiền khác : 20.000.000 đồng

Yêu cầu :

1. Theo anh chị, Ông Kiến Trung có thể tiến hành thành lập doanh nghiệp với số tiền hiện có hay không ?
2. Ông Kiến Trung dự tính yêu cầu nhà cung cấp X cho mình nợ lại một phần tiền mua hàng, theo anh chị, số tiền mua hàng ông Kiến Trung cần phải nợ lại là bao nhiêu ?
3. Ông Kiến Trung dự tính yêu cầu nhà cung cấp Z cho mình nợ lại một phần tiền mua hàng, theo anh chị, số tiền mua hàng ông Kiến Trung cần phải nợ lại là bao nhiêu ?

1.3.7 Bài tập số 07

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, vào ngày 31/12/2007 có các tài liệu sau : (Đơn vị tính : đồng).

1.	Tiền mặt	10.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	4.000.000
3.	Phải trả công nhân viên	3.000.000
4.	Phụ tùng thay thế	1.000.000
5.	Phải trả cho người bán	6.000.000
6.	Tạm ứng	2.000.000
7.	Vay ngắn hạn	45.000.000
8.	Máy móc thiết bị	400.000.000
9.	Sản phẩm dở dang	7.000.000
10.	Nguyên vật liệu chính	48.000.000
11.	Phải thu của khách hàng	4.000.000
12.	Nợ dài hạn	190.000.000
13.	Nguồn vốn kinh doanh	1.100.000.000

14. Nhà xưởng	x
15. Các khoản phải trả khác	3.000.000
16. Các khoản phải thu khác	2.000.000
17. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	20.000.000
18. Quỹ khen thưởng–phúc lợi	12.000.000
19. Các loại công cụ – dụng cụ	20.000.000
20. Xây dựng cơ bản dở dang	8.000.000
21. Lãi chưa phân phối	15.000.000
22. Hàng đang gửi bán	12.000.000
23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000
24. Tiền gửi ngân hàng	40.000.000
25. Kho tàng	230.000.000
26. Vật liệu phụ	5.000.000
27. Phải nộp Nhà nước	6.000.000
28. Thành phẩm	195.000.000
29. Phương tiện vận tải	150.000.000
30. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	50.000.000

Yêu cầu :

1. Phân loại tài sản và nguồn vốn tại doanh nghiệp, tính tổng số mỗi loại và tìm x.
2. Liệt kê tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn tại doanh nghiệp, tính tổng số mỗi loại.
3. Liệt kê các khoản mục tài sản cố định hữu hình, tính tổng nguyên giá.

4. Liệt kê nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, tính tổng số mỗi loại.
5. Liệt kê tài sản thuộc nhóm hàng tồn kho tại đơn vị, tính tổng số.
6. Liệt kê và tính giá trị tài sản cố định vô hình.
7. Liệt kê và tính giá trị vốn bằng tiền và các khoản ứng trước.
8. Liệt kê và tính nợ phải thu tại doanh nghiệp.

1.3.8 Bài tập số 08

1.	Tiền mặt	200.000.000
2.	Nhà xưởng	400.000.000
3.	Công cụ dụng cụ	10.000.000
4.	Vốn chủ sở hữu	600.000.000
5.	Nợ phải trả người bán	100.000.000
6.	Phải thu khác	10.000.000
7.	Nguyên vật liệu	90.000.000
8.	Phải trả khác	10.000.000

Tìm Y và lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp vào ngày 30/09/2008.

Lấy lại số liệu trên và trong tháng 10/2008 có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh :

1. Nhập kho nguyên vật liệu trị giá 10.000.000 đồng, chưa thanh toán.
2. Nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gởi ngân hàng 20.000.000 đồng.
3. Thu khoản phải thu khác bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng.

4. Nhận vốn góp liên doanh bằng tài sản cố định hữu hình trị giá 15.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào các tài khoản.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào các tài khoản tương ứng.
3. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

1.3.9 Bài tập số 09

Có số liệu về tài sản và nguồn vốn của một doanh nghiệp vào ngày 31/12/2008, được cho như sau : (Đơn vị tính : đồng)

1. Đầu tư vào công ty con	500.000.000
2. Công cụ dụng cụ tồn kho	30.000.000
3. Đầu tư ngắn hạn	100.000.000
4. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.000.000
5. Nguồn vốn kinh doanh	1.270.000.000
6. Lợi nhuận chưa phân phối	X
7. Thuế GTGT được khấu trừ	30.000.000
8. Thành phẩm	140.000.000
9. Đầu tư dài hạn khác	200.000.000
10. Vay ngắn hạn	200.000.000
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.000.000
12. Tạm ứng	20.000.000
13. Hao mòn tài sản cố định	15.000.000

14. Hàng mua đi trên đường	20.000.000
15. Hàng gởi đi bán	80.000.000
16. Quỹ đầu tư phát triển	115.000.000
17. Phải thu khách hàng	150.000.000
18. Vay dài hạn	1.000.000.000
19. Quỹ dự phòng phải trả	20.000.000
20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.000.000
21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	80.000.000
22. Hàng hóa	150.000.000
23. Tài sản cố định hữu hình	600.000.000
24. Tiền gửi ngân hàng	140.000.000
25. Phải trả công nhân viên	10.000.000
26. Tiền mặt	50.000.000
27. Chi phí trả trước dài hạn	40.000.000
28. Đầu tư vào công ty liên kết	300.000.000
29. Góp vốn liên doanh	200,000.000
30. Quỹ đầu tư phát triển	200.000.000

Yêu cầu :

Lập bảng cân đối kế toán và xác định các chỉ tiêu sau đây :

1. Lợi nhuận chưa phân phối (X).

2. Tổng tài sản; tổng nguồn vốn.

3. Tổng nợ phải trả; Tổng vốn chủ sở hữu.

4. Tổng tài sản ngắn hạn; Tổng tài sản dài hạn.

1.3.10 Bài tập số 10

Tại công ty sản xuất kinh doanh Tiến Thành, có tình hình tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2008 như sau (Đơn vị tính : đồng) :

1. Tiền đồng tại quỹ	623.200.000
2. Tạm ứng	100.000.000
3. Phải trả người bán	300.000.000
4. Vàng SJC	50.000.000
5. Nhiên liệu	20.000.000
6. Nợ dài hạn	616.000.000
7. Vay ngắn hạn	198.000.000
8. Ngoại tệ tại quỹ	160.000.000
9. Tài sản cố định hữu hình	1.264.000.000
10. Xây dựng cơ bản dở dang	400.000.000
11. Vay dài hạn	770.000.000
12. Vốn chủ sở hữu	X
13. Thành phẩm	154.000.000
14. Sản phẩm dở dang	110.000.000
15. Hàng hóa	132.000.000
16. Quỹ dự phòng tài chính	50.000.00
17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	300.000.000
18. Nợ dài hạn đến hạn phải trả	80.000.000
19. Ngoại tệ gửi tại ngân hàng	320.000.000
20. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	800.000.000

21. Đầu tư vào công ty liên kết	200.000.000
22. Tài sản cố định vô hình	50.000.000
23. Quỹ khen thưởng	60.000.000
24. Đầu tư vào công ty con	1.550.000.000
25. Công cụ, dụng cụ	40.000.000
26. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	110.000.000
27. Quỹ phúc lợi	60.000.000
28. Hàng mua đang đi đường	100.000.000
29. Lãi chưa phân phối	200.000.000
30. Phải trả phải nộp Nhà nước	120.000.000
31. Phế liệu thu hồi	20.000.000
32. Nguyên liệu chính	600.000.000
33. Phải trả phải nộp khác	120.000.000
34. Thuế hoãn lại phải trả	200.000.000
35. Quỹ dự phòng phải trả	100.000.000

Yêu cầu : **Tính giá trị vốn chủ sở hữu.**

CHƯƠNG 2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

2.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ

1. Báo cáo kế toán bao gồm báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị.
2. Hệ thống báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ theo chuẩn mực trình bày bày báo cáo tài chính.
4. Một báo cáo tài chính có chất lượng là báo cáo đáp ứng được 4 đặc điểm của một báo cáo đó là tính tính có thể hiểu được, tính thích hợp, tính đáng tin cậy và tính có thể so sánh được.
5. Sự biến động của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán chủ yếu xảy ra trong 4 trường hợp.
   a. Một tài sản tăng, một tài sản khác giảm.
   b. Một nguồn vốn tăng, một nguồn vốn khác giảm.
   c. Một tài sản tăng, một nguồn vốn tăng.
   d. Một tài sản giảm, một nguồn vốn giảm.
6. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh bao giờ cũng liên quan đến ít nhất 2 khoản mục khác nhau thuộc Bảng cân đối kế toán.

7. Nếu nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ ảnh hưởng đến một bên tài sản hoặc một bên nguồn vốn của Bảng cân đối kế toán thì tổng cộng tài sản hoặc tổng cộng nguồn vốn không thay đổi.

8. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều không làm mất tính cân đối của Bảng cân đối kế toán.

9. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh nếu có ảnh hưởng đến cả hai bên : bên tài sản và bên nguồn vốn thì cả hai bên trên Bảng cân đối kế toán sẽ cùng tăng hoặc cùng giảm một số lượng như nhau.

Tài sản là những thứ có giá trị do một doanh nghiệp sở hữu hay kiểm soát và được mua (hoặc do các giao dịch khác) với một chi phí có thể đo lường được. Uy tín không phải là tài sản trừ khi nó được mua từ doanh nghiệp khác.

Tài sản lưu động bao gồm tiền mặt và các tài sản có thể chuyển thành tiền hoặc sẽ được sử dụng hết trong vòng một năm.

Nợ ngắn hạn là những khoản nợ phải thanh toán trong vòng một năm.

Hệ số ngắn hạn là tỷ lệ giữa tài sản lưu động và nợ ngắn hạn, đo lường khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Chứng khoán ngắn hạn là tài sản lưu động; Khoản đầu tư là tài sản cố định.

Nợ dài hạn có thể chứa đựng cả hai phần : một phần dài hạn và một phần ngắn hạn (phần dài hạn đến hạn trả).

Vốn chủ sở hữu bao gồm Vốn góp và Lợi nhuận giữ lại. Vốn chủ sở hữu thể hiện theo giá sổ sách (giá gốc), không thể hiện theo giá thị trường của cổ phiếu. Lợi Nhuận Giữ Lại không phải là tiền mặt. Nó chỉ là một phần trong sản quyền của các cổ đông (chủ sở hữu) đối với tài sản.

2.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG

2.2.1 Bài tập số 01

Giả sử có một doanh nghiệp A mới thành lập với số vốn ban đầu là 600.000.000 đồng bằng tiền mặt. Khi được cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp và với số vốn theo yêu cầu của luật pháp.

Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp A vào ngày thành lập :

Ngày 1/1/2008

Đơn vị tính : đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tiền mặt	600.000.000	Vốn chủ sở hữu	600.000.000
Tổng tài sản	600.000.000	Tổng nguồn vốn	600.000.000

Giả sử trong tháng 1/2008 có một nghiệp vụ phát sinh như sau :

1) Doanh nghiệp này bắt đầu tiến hành mua một văn phòng công ty trị giá 500.000.000 đồng, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán.

2) Doanh nghiệp nhập kho 100.000.000 đồng hàng hóa thanh toán bằng tiền mặt.

3) Doanh nghiệp vay 200.000.000 đồng để thanh toán cho người bán.

4) Doanh nghiệp nộp 200.000.000 đồng tiền mặt vào ngân hàng.

5) Doanh nghiệp thanh toán cho người bán 100.000.000 đồng bằng tiền gởi ngân hàng.

Yêu cầu :

Hãy lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

Lời giải đề nghị :

1) Doanh nghiệp này bắt đầu tiến hành mua một văn phòng công ty trị giá 500.000.000 đồng, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán.

Giải thích : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "mua một văn phòng công ty trị giá 500.000.000 đồng, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán" liên quan đến ba đối tượng kế toán.

- Văn phòng công ty : Tài sản tăng 500.000.000 đồng.
- Tiền mặt : Tài sản giảm 100.000.000 đồng.
- Nợ phải trả cho người bán : Nguồn vốn tăng 400.000.000 đồng.

2) Doanh nghiệp nhập kho 100.000.000 đồng hàng hóa thanh toán bằng tiền mặt.

Giải thích : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "mua 100.000.000 đồng hàng hóa về nhập kho thanh toán bằng tiền mặt" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Hàng hóa : Tài sản tăng 100.000.000 đồng.
- Tiền mặt : Tài sản giảm 100.000.000 đồng.

3) Doanh nghiệp vay 200.000.000 đồng để thanh toán cho người bán.

Giải thích : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "vay 200.000.000 đồng để thanh toán cho người bán" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Vay ngân hàng : Nguồn vốn tăng 200.000.000 đồng.
- Nợ người bán : Nguồn vốn giảm 200.000.000 đồng.

4) Doanh nghiệp nộp 200.000.000 đồng tiền mặt vào ngân hàng.

Giải thích : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "nộp 200.000.000 đồng tiền mặt vào ngân hàng" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Tiền mặt : Tài sản giảm 200.000.000 đồng.
- Tiền gởi ngân hàng : Tài sản tăng 200.000.000 đồng.

5) Doanh nghiệp thanh toán cho người bán 100.000.000 đồng bằng tiền gởi ngân hàng.

Giải thích : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "thanh toán cho người bán 100.000.000 đồng bằng tiền gởi ngân hàng" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Nợ người bán : Nguồn vốn giảm 100.000.000 đồng.
- Tiền gởi ngân hàng : Tài sản giảm 100.000.000 đồng.

Sắp xếp theo từng nội dung kinh tế (đơn vị tính 1.000 đồng)

Tiền mặt		**Vay ngắn hạn**	
Tiền đầu kỳ	600.000	Số đầu kỳ	0
Tiền tăng trong kỳ	0	Số tăng trong kỳ	200.000
Tiền giảm trong kỳ	400.000	Số giảm trong kỳ	0
Tiền tồn cuối kỳ	200.000	Số cuối kỳ	200.000

Tiền gởi ngân hàng		**Nợ phải trả người bán**	
Số đầu kỳ	0	Số đầu kỳ	0
Số tăng trong kỳ	200.000	Số tăng trong kỳ	400.000
Số giảm trong kỳ	100.000	Số giảm trong kỳ	300.000
Số cuối kỳ	100.000	Số cuối kỳ	100.000

Hàng tồn kho		**Vốn chủ sở hữu**	
Số đầu kỳ	0	Số đầu kỳ	600.00
Số tăng trong kỳ	100.000	Số tăng trong kỳ	0
Số giảm trong kỳ	0	Số giảm trong kỳ	0
Số cuối kỳ	100.000	Số cuối kỳ	600.000

Văn phòng công ty (TSCĐ)	
Số đầu kỳ	0
Số tăng trong kỳ	500.000
Số giảm trong kỳ	0
Số cuối kỳ	500.000

Ta sẽ có bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp A :

Ngày 31/1/200X

Đơn vị tính : 1.000 đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tiền mặt	200.000	Vay ngắn hạn	200.000
Tiền gởi ngân hàng	100.000	Phải trả người bán	100.000
Hàng tồn kho	100.000	Vốn chủ sở hữu	600.000
Văn phòng	500.000		
Tổng tài sản	**900.000**	**Tổng nguồn vốn**	**900.000**

2.2.2 Bài tập số 02

Một công ty được thành lập với số vốn ban đầu như sau :

1. Máy móc thiết bị do cổ đông góp vốn là 800.000.000 đồng.
2. Tiền do cổ đông góp đã chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp là 200.000.000 đồng.

Yêu cầu :

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

Lời giải đề nghị :

Lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp (1.000 đồng) :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền gởi ngân hàng	200.000		
Máy móc thiết bị	800.000	Vốn chủ sở hữu	1.000.000
Tổng Tài sản	1.000.000	**Tổng nguồn vốn**	1.000.000

2.2.3 Bài tập số 03

Ông A và Ông B dự kiến thành lập một doanh nghiệp với số vốn điều lệ là 1.200.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn góp hai bên thống nhất là 1:1. Ông A góp vào doanh nghiệp bằng một dây chuyền công nghệ trị giá 500.000.000 đồng, Ông B góp vào công ty 100.000.000 đồng bằng tiền gởi ngân hàng, 200.000.000 đồng nguyên vật liệu và một xe tải trị giá 400.000.000 đồng ? Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp và trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh, doanh nghiệp :

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 10.000.000 đồng.
2. Dùng tiền gửi ngân hàng mua nguyên vật liệu trị giá 20.000.000 đồng.
3. Mua công cụ dụng cụ trị giá 10.000.000 đồng chưa trả tiền người bán.

4. Vay ngắn hạn ngân hàng đầu tư thêm thiết bị sản xuất trị giá 100.000.000 đồng.

Yêu cầu :

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Lời giải đề nghị : (đơn vị tính : 1.000 đồng)

Lập bảng cân đối đầu kỳ :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền gởi ngân hàng	100.000	Phải trả ông B	100.000
Phải thu ông A	100.000	Vốn góp ông A	600.000
Nguyên vật liệu	200.000	Vốn góp ông B	600.000
Xe tải	400.000		
Dây chuyền công nghệ	500.000		
Tổng Tài sản	**1.300.000**	**Tổng nguồn vốn**	**1.300.000**

Rút tiền gởi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 10.000.000 đồng :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	10.000	Phải trả ông B	100.000
Tiền gởi ngân hàng	~~100.000~~		
	90.000		
Phải thu ông A	100.000	Vốn góp ông A	600.000
Nguyên vật liệu	200.000	Vốn góp ông B	600.000
Xe tải	400.000		
Dây chuyền công nghệ	500.000		
Tổng Tài sản	**1.300.000**	**Tổng nguồn vốn**	**1.300.000**

Dùng tiền gửi ngân hàng mua nguyên vật liệu trị giá 20.000.000 đồng :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	10.000	Phải trả ông B	100.000
Tiền gởi ngân hàng	~~90.000~~		
	70.000		
Phải thu ông A	100.000	Vốn góp ông A	600.000
Nguyên vật liệu	~~200.000~~	Vốn góp ông B	600.000
	220.000		
Xe tải	400.000		
Dây chuyền công nghệ	500.000		
Tổng Tài sản	**1.300.000**	**Tổng nguồn vốn**	**1.300.000**

Mua công cụ dụng cụ trị giá 10.000.000 đồng chưa trả tiền người bán :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	10.000	Phải trả người bán	10.000
Tiền gởi ngân hàng	70.000	Phải trả ông B	100.000
Phải thu ông A	100.000	Vốn góp ông A	600.000
Nguyên vật liệu	220.000	Vốn góp ông B	600.000
Công cụ dụng cụ	10.000		
Xe tải	400.000		
Dây chuyền công nghệ	500.000		
Tổng Tài sản	**1.310.000**	**Tổng nguồn vốn**	**1.310.000**

Vay ngắn hạn ngân hàng đầu tư thêm thiết bị sản xuất trị giá 100.000.000 đồng :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	10.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	100.000
Tiền gởi ngân hàng	70.000	Phải trả người bán	10.000
Phải thu ông A	100.000	Phải trả ông B	100.000
Nguyên vật liệu	220.000	Vốn góp ông A	600.000
Công cụ dụng cụ	10.000	Vốn góp ông B	600.000
Xe tải	400.000		
Dây chuyền công nghệ	500.000		
Máy móc thiết bị	100.000		
Tổng Tài sản	**1.410.000**	**Tổng nguồn vốn**	**1.410.000**

2.2.4 Bài tập số 04

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2008 như sau : (Đơn vị tính : ngàn đồng).

1. Tiền gửi ngân hàng 25.000.000
2. Nợ người bán 50.000.000
3. Người mua nợ 25.000.000
4. Lãi chưa phân phối 20.000.000
5. Nguồn vốn kinh doanh 500.000.000
6. Phương tiện vận tải 300.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 30.000.000
8. Vay ngắn hạn ngân hàng 300.000.000

9. Hàng gởi đi bán	20.000.000
10. Tài sản cố định hữu hình	410.000.000
11. Nguyên vật liệu	75.000.000
12. Công cụ, dụng cụ	5.000.000
13. Thành phẩm	25.000.000
14. Tiền mặt	5.000.000

Yêu cầu :

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp theo số liệu trên.

Lời giải đề nghị :

Lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	15.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	300.000
Tiền gởi ngân hàng	25.000	Nợ người bán	50.000
Người mua nợ	25.000	Nguồn vốn kinh doanh	500.000
Nguyên vật liệu	75.000	Lãi chưa phân phối	20.000
Công cụ dụng cụ	5.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000
Thành phẩm	25.000		
Hàng gởi đi bán	20.000		
Máy móc thiết bị	410.000		
Phương tiện vận tải	300.000		
Tổng Tài sản	**900.000**	**Tổng nguồn vốn**	**900.000**

2.2.5 Bài tập số 05

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2008 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1.	Lãi chưa phân phối	20.000.000
2.	Nguồn vốn kinh doanh	500.000.000
3.	Phương tiện vận tải	300.000.000
4.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.000.000
5.	Vay ngắn hạn ngân hàng	300.000.000
6.	Hàng gởi đi bán	20.000.000
7.	Tài sản cố định hữu hình	410.000.000
8.	Nguyên vật liệu	75.000.000
9.	Công cụ, dụng cụ	5.000.000
10.	Thành phẩm	25.000.000
11.	Tiền mặt	5.000.000
12.	Tiền gửi ngân hàng	25.000.000
13.	Nợ người bán	50.000.000
14.	Người mua nợ	25.000.000

Trong tháng 01/2009 có các nghiệp vụ sau phát sinh :

1. Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu chưa trả tiền người bán 10.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp dùng lãi chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 20.000.000 đồng.
3. Người mua trả nợ 20.000.000 đồng và doanh nghiệp dùng tiền đó trả luôn nợ vay ngắn hạn.